

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TỔ CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2024 (SỬA ĐỔI)

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024 (sửa đổi) được Quốc hội khóa XV, thông qua ngày 24/6/2024, Luật gồm 09 Chương, 152 Điều có hiệu lực từ ngày 01/01/2025. Luật được thông qua với nhiều điểm mới nhằm đẩy mạnh cải cách tư pháp, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân; xây dựng hệ thống Tòa án chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Những nội dung sửa đổi, bổ sung lớn của Luật cụ thể như sau:

1. Thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về chức năng Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp (Điều 3): “*Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp*”, điều đó thể hiện: Quyền xét xử các tranh chấp, vi phạm pháp luật; quyết định những vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của luật; bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử.

2. Đổi mới nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án

2.1. Bổ sung 02 nhiệm vụ, quyền hạn mới cho Tòa án

- Tòa án xét xử vi phạm hành chính theo quy định của luật: Luật quy định các vi phạm hành chính mà Tòa án có thẩm quyền xét xử (Điều 3, Điều 27)

- Tòa án giải thích áp dụng pháp luật trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc: Quyền và trách nhiệm của Tòa án làm rõ trong quá trình xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc và trong bản án, quyết định việc áp dụng quy định của pháp luật trong hoàn cảnh, tình huống cụ thể để xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc (Điều 31)

2.2. Không quy định Tòa án có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

2.3. Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa án (Điều 15)

- Đối với các bên đương sự: Trong vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự và các vụ việc khác, các bên thu thập, cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án theo quy định của pháp luật.

- Đối với Tòa án có nhiệm vụ, quyền hạn: 1) Hướng dẫn; (2) Yêu cầu; (3) Hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ; (4) Tiếp nhận; (5) Kiểm tra, (6) Thẩm định tài liệu, chứng cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân; (7) Căn cứ

vào tài liệu, chứng cứ đã được cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp, các bên giao nộp, làm rõ tại phiên tòa, phiên họp và kết quả tranh tụng để xét xử, giải quyết.

2.4. Xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án theo thẩm quyền xét xử

- Cấp sơ thẩm: (Điều 23): Xem xét, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án, vụ việc trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, kết quả tranh tụng và căn cứ vào quy định của pháp luật để quyết định các vấn đề của vụ án, vụ việc

- Cấp phúc thẩm (Điều 24): (1) Xem xét, đánh giá, nhận định về kháng cáo, kháng nghị; các tình tiết của vụ án, vụ việc; căn cứ áp dụng pháp luật và việc xét xử, giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm. (2) Chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị. (3) Giữ nguyên, hủy, sửa bản án, quyết định sơ thẩm. (4) Bảo vệ bản án, quyết định đã xét xử, giải quyết đúng pháp luật. (5) Khắc phục những sai sót và thực hiện thẩm quyền khác theo quy định của luật.

- Giám đốc thẩm (Điều 25): (1) Xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo quy định của luật. (2) Kiểm tra tính đúng đắn của bản án, quyết định. (3) Bảo vệ bản án, quyết định đã xét xử, giải quyết đúng pháp luật. (4) Khắc phục những sai sót trong bản án, quyết định. (5) Bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử

- Tái thẩm (Điều 25): Xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị do có tình tiết mới theo quy định của luật

2.5. Bổ sung quy định làm rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các Tòa án

(1) Xét xử, giải quyết các vụ án, vụ việc (Điều 26); (2) Giải quyết, xét xử vi phạm hành chính (Điều 27); (3) Quyết định những vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 28); (4) Phát hiện, kiến nghị về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc (Điều 29); (5) Tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử (Điều 30); (6) Giải thích áp dụng pháp luật trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc (Điều 31); (7) Lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ (Điều 32); (8) Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án trong thi hành án (Điều 33); (9) Giải quyết khiếu nại, tố cáo (Điều 34); (10) Xây dựng pháp luật (Điều 35); (11) Nghiên cứu khoa học (Điều 36); (12) Đào tạo, bồi dưỡng (Điều 37); (13) Hợp tác quốc tế (Điều 38).

3. Đổi mới tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân

3.1. Đổi mới tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân (Chương IV)

Bộ máy Tòa án gồm: Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt; Tòa án quân sự.

3.2. Tổ chức lại bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao (Điều 47)

Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao bao gồm: Văn phòng; Cục, Vụ và tương đương; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; cơ quan báo chí.

Bổ sung cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao có Thẩm phán Tòa án nhân dân và quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán Tòa án nhân dân công tác tại Tòa án nhân dân tối cao.

3.3. Tổ chức lại bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp cao (Điều 51)

Cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân cấp cao bao gồm: Uy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao; Các Tòa chuyên trách; Văn phòng; Vụ.

Các Phòng giám đốc, kiểm tra được tổ chức lại thành các Vụ - đơn vị cấp Vụ loại 2. Đây là điểm mới của Luật.

3.4. Thành lập Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt (mới) (các điều 4, 62, 63 và 152)

Tổ chức hệ thống Tòa án có 03 TAND sơ thẩm chuyên biệt:

- TAND sơ thẩm chuyên biệt Hành chính: Sơ thẩm vụ án hành chính đối với khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh trở lên, trừ các vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; khiếu kiện quyết định kỷ luật buộc thôi việc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức từ cấp tỉnh trở lên theo quy định của Luật Tố tụng hành chính (Khoản 1 Điều 62).

- TAND sơ thẩm chuyên biệt Sở hữu trí tuệ: Sơ thẩm vụ việc về sở hữu trí tuệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; sơ thẩm vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính (Khoản 2 Điều 62) - Đây là điểm mới của Luật.

- TAND chuyên biệt Phá sản : Giải quyết vụ việc phá sản thuộc thẩm quyền của TAND theo quy định của luật (Khoản 3 Điều 62) - Đây là điểm mới của Luật.

Các Tòa án chuyên biệt được thành lập và hoạt động sau khi các Luật Tố tụng và Luật Phá sản được sửa đổi (khoản 5 Điều 152).

4. Hội đồng tuyển chọn giám sát Thẩm phán quốc gia (Điều 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 và Điều 110)

4.1. Bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng: Ban hành Bộ Quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán; bảo vệ Thẩm phán theo quy định của luật; xem xét kiến nghị liên quan đến bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán; đề nghị, kiến nghị về các chính sách đối với Thẩm phán, chức danh tư pháp khác của Tòa án; giám sát việc phân bổ biên chế, kinh phí, nguồn lực cho các Tòa án nhân dân.

4.2. Về thành phần của Hội đồng

Bổ sung đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính. Quy định Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phân công luân phiên theo nhiệm kỳ 01 năm 01 lần.

4.3. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên Hội đồng

5. Về Thẩm phán

5.1. Đổi mới ngạch, bậc của Thẩm phán (Điều 90)

Thẩm phán gồm 02 ngạch: Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Thẩm phán Tòa án nhân dân

Từ ngày 01/01/2025: Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp được chuyển thành Thẩm phán Tòa án nhân dân (khoản 3 Điều 152).

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định xếp bậc Thẩm phán Tòa án nhân dân căn cứ vào quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về bậc Thẩm phán (khoản 3 Điều 152).

5.2. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán (các điều 94, 95 và 96)

Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân: Bổ sung tiêu chuẩn về độ tuổi: **từ đủ 28 tuổi** trở lên

Điều kiện bổ nhiệm: người được điều động để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo tại Tòa án nhân dân thì không cần thiết phải có tiêu chuẩn “đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử” nhưng phải có thời gian làm công tác pháp luật từ đủ 10 năm trở lên nếu được điều động sang làm lãnh đạo tại các Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án quân sự khu vực; từ đủ 15 năm trở lên nếu được điều động đến để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt, Tòa án quân khu và tương đương, Tòa án quân sự trung ương.

5.3. Về điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm Thẩm phán (khoản 4 Điều 106)

Việc điều động, luân chuyển, biệt phái Thẩm phán Tòa án nhân dân được thực hiện theo phân cấp của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định phân cấp việc điều động, luân chuyển, biệt phái Thẩm phán Tòa án nhân dân

Thẩm phán có thể được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân

5.4. Nhiệm kỳ của Thẩm phán (Điều 100)

- Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Tính từ khi được bổ nhiệm đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác - Đây là điểm mới của Luật.

- Thẩm phán Tòa án nhân dân: Bổ nhiệm lần đầu: Nhiệm kỳ 05 năm; bổ nhiệm lại: Nhiệm kỳ đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác - Đây là điểm mới của Luật.

- Thẩm phán Tòa án nhân dân được điều động làm nhiệm vụ khác trong hệ thống Tòa án, khi được phân công lại làm Thẩm phán Tòa án nhân dân thì không phải trải qua kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân và được xếp vào bậc tương ứng, trường hợp này nhiệm kỳ của Thẩm phán Tòa án nhân dân đến khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác.

- Thẩm phán không đủ điều kiện để bổ nhiệm lại được bố trí công tác khác phù hợp; khi đáp ứng đủ điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân và có nguyện vọng thì phải trải qua kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân, trường hợp này nhiệm kỳ của Thẩm phán Tòa án nhân dân được tính là nhiệm kỳ đầu.

5.5. Bảo đảm nguyên tắc độc lập của Thẩm phán

- Các Tòa án được tổ chức và hoạt động độc lập theo thẩm quyền xét xử (Điều 6)

- Quy định về chế độ bảo vệ, miễn trừ trách nhiệm đối với Thẩm phán:

+ Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm và người có chức danh tư pháp khác của Tòa án không phải giải trình, không được thông tin về quan điểm xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đang trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, vụ việc đó (khoản 2 Điều 11) - Đây là điểm mới của Luật.

+ Không điều tra đối với Thẩm phán, Hội thẩm về việc xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đang trong quá trình tố tụng, trừ trường hợp có căn cứ xác định Thẩm phán, Hội thẩm vi phạm pháp luật hình sự trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc đó (khoản 3 Điều 11).

+ Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can trở, can thiệp, tác động trái pháp luật vào hoạt động xét xử, thực hiện quyền tư pháp. Trường hợp người khác có hành vi này thì Thẩm phán, Hội thẩm, người có chức danh tư pháp khác của Tòa án phải báo cáo ngay với cơ quan, người có thẩm quyền để kịp thời giải quyết, xử lý (*khoản 2 Điều 18*).

- Quy định rõ hơn các hành vi bị nghiêm cấm thực hiện đối với Thẩm phán (*Khoản 2 Điều 102*), gồm:

+ Đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích hợp pháp của Thẩm phán, thân nhân của Thẩm phán khi Thẩm phán thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ.

+ Cản trở Thẩm phán thi hành công vụ.

+ Gây ảnh hưởng đến việc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, sự vô tư, khách quan của Thẩm phán khi thi hành công vụ.

- Biện pháp xử lý và trách nhiệm của cơ quan Công an (*khoản 3, 4 Điều 102*)

+ Khi danh dự, nhân phẩm của Thẩm phán bị xúc phạm: Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chấm dứt hành vi xúc phạm và xin lỗi công khai; cơ quan, tổ chức, cá nhân phải chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

+ Khi an toàn cá nhân hoặc thân nhân của Thẩm phán bị đe dọa: Chánh án đề nghị cơ quan công an có thẩm quyền tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ an toàn cá nhân hoặc thân nhân của Thẩm phán; Cơ quan công an nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét tính chất, mức độ của hành vi đe dọa để có biện pháp bảo vệ phù hợp

- “Thẩm phán đã ra bản án, quyết định mà bản án, quyết định đó bị hủy, sửa chỉ phải chịu trách nhiệm khi có lỗi chủ quan theo quy định của pháp luật.” (*khoản 5 Điều 102*).

- Bổ sung quy định mới về Thông tin về Thẩm phán vi phạm pháp luật (*Điều 105*), theo đó:

+ Khi tạm giữ, bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Cơ quan ra quyết định tạm giữ, Cơ quan điều tra phải báo cáo ngay Chủ tịch nước và thông báo cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao biết.

+ Khi tạm giữ, bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của Thẩm phán Tòa án nhân dân thì Cơ quan ra quyết định tạm giữ, Cơ quan điều tra phải thông báo ngay cho Chánh án Tòa án nhân dân tối cao biết.

5.6. Chế độ, chính sách đối với Thẩm phán (Điều 101)

Bổ sung quy định Thẩm phán được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật khi bị tổn hại tính mạng, sức khỏe vì lý do công vụ (Khoản 2 Điều 101).

6. Các chức danh tư pháp khác, công chức khác và người lao động trong TAND

6.1. Các chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân

Các chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân gồm (Điều 73): Chánh án; Phó Chánh án Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thẩm phán Tòa án nhân dân; Thẩm tra viên Tòa án; Thư ký Tòa án.

6.2. Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (Điều 78)

Nguồn bổ nhiệm Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, gồm: Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Thẩm phán Tòa án nhân dân đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được lựa chọn từ Thẩm phán Tòa án nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Quốc hội phê chuẩn, Chủ tịch nước bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

6.3. Thẩm tra viên Tòa án (Điều 111 - Điều 115)

- Vị trí: Thẩm tra viên Tòa án là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật này được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm để thực hiện nhiệm vụ thẩm tra hồ sơ vụ án, vụ việc và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

- Tiêu chuẩn: Bổ sung tiêu chuẩn “đã được đào tạo nghiệp vụ Thẩm tra viên hoặc nghiệp vụ xét xử”

- Người muốn được bổ nhiệm Thẩm tra viên phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn Thẩm tra viên và thuộc một trong hai trường hợp sau: Đã làm Thư ký Tòa án từ đủ 03 năm trở lên; có thời gian làm công tác pháp luật từ đủ 03 năm trở lên

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định cơ cấu tỷ lệ ngạch Thẩm tra viên Tòa án tại các Tòa án.

6.4. Thư ký Tòa án (Điều 116 - Điều 120)

- Vị trí: Thư ký Tòa án là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ

nhiệm để thực hiện thủ tục tố tụng, nhiệm vụ hành chính, tư pháp và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân

- Quy định rõ các điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm: Người có đủ các tiêu chuẩn sau thì được bổ nhiệm vào ngạch Thư ký Tòa án: Có trình độ cử nhân luật trở lên; được tuyển dụng làm công chức Tòa án; được đào tạo nghiệp vụ Thư ký Tòa án; bổ sung quy định Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định cơ cấu tỷ lệ ngạch Thư ký Tòa án tại các Tòa án.

7. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ, đạo đức, trách nhiệm của thẩm phán, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Tòa án

7.1. Bổ sung quy định về trách nhiệm chung của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Tòa án (Điều 74)

7.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định để cao trách nhiệm, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và giám sát Thẩm phán (các điều 8, 21, 89, 103 và 104)

- Nhân dân giám sát hoạt động của Tòa án và thực hiện các quyền yêu cầu, kiến nghị với Tòa án (Điều 21).

- Tòa án thực hiện công khai hoạt động xét xử và hoạt động khác (Điều 8).

- Thẩm phán được bổ nhiệm phải **tuyên thệ** (Điều 89)

- Trách nhiệm của Thẩm phán (Điều 103): Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo, bị hại, đương sự và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của luật; học tập, nghiên cứu, rèn luyện, tích lũy không chỉ về chuyên môn, trình độ chính trị, pháp luật mà cả về đạo đức, bản lĩnh chính trị, nghề nghiệp và tính chuyên nghiệp của Thẩm phán; tham gia bắt buộc hoạt động bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng xét xử, kiến thức xã hội liên quan, về đạo đức, trách nhiệm và ứng xử của Thẩm phán...

- Những điều Thẩm phán không được làm (Điều 104): Vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán; lạm dụng, lợi dụng quyền lực; sách nhiễu, trì hoãn, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, bị can, bị cáo, đương sự, người tham gia tố tụng khác và người tiến hành tố tụng; truy ép, gợi ý cho bị can, bị cáo, đương sự, người tham gia tố tụng khác và người tiến hành tố tụng cung cấp tài liệu, khai báo, trình bày sự việc không khách quan, trung thực; vi phạm quy định của pháp luật về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực...

8. Về Hội thẩm: Sửa đổi, bổ sung quy định về vị trí, vai trò của Hội thẩm (Khoản 1 Điều 121). Khẳng định rõ: “Hội thẩm là người đại diện của Nhân dân tham gia xét xử tại Tòa án”.

- Bổ sung quy định về một số tiêu chuẩn của Hội thẩm: Tiêu chuẩn về độ tuổi: từ đủ 28 tuổi đến 70 tuổi. Người được chọn để bầu, cử làm Hội thẩm phải không đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức; không bị xử lý kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm, cách chức, buộc thôi việc; không thuộc trường hợp đang bị xử lý hình sự hoặc đã bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật; không thuộc trường hợp đã bị bãi nhiệm Hội thẩm.

8.3. Hội thẩm tại Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt

- Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn chung (khoản 1 Điều 122); có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên biệt.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân: Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt đề xuất nhu cầu về số lượng, đề cử danh sách; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ lựa chọn, giới thiệu. Sau khi Chánh án Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đề nghị Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm.

8.4. Những người không được làm Hội thẩm (Điều 123)

Người đang giữ chức danh tư pháp, công chức, viên chức và người lao động trong Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan công an, cơ quan thi hành án, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của luật; Luật sư; Công chứng viên; mThừa phát lại; Trợ giúp viên pháp lý.

8.5. Bổ sung một số trách nhiệm của Hội thẩm

Tham gia phiên tòa rút kinh nghiệm, hội nghị tổng kết công tác xét xử của Tòa án, để trao đổi, chia sẻ và rút kinh nghiệm và nâng cao trình độ trong xét xử (khoản 6 Điều 126). Nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của luật.

8.6. Chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội thẩm

Hội thẩm nhân dân trong thời gian 06 tháng không được Chánh án phân công làm nhiệm vụ xét xử thì có quyền yêu cầu Chánh án cho biết lý do (01 năm như trước đây) (Khoản 4 Điều 125). Khi tham gia các hoạt động tại Tòa án, Hội

thẩm được thanh toán các khoản chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật (*Khoản 2 Điều 130*); được bảo vệ khi thực hiện nhiệm vụ xét xử; được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và quy định của Tòa án nhân dân tối cao.

Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí hoạt động Đoàn Hội thẩm và kinh phí tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ Hội thẩm.

9. Về tổ chức xét xử (Chương VII)

- Về lựa chọn ngẫu nhiên Thẩm phán, Hội thẩm tham gia xét xử (Điều 135): Trách nhiệm của Chánh án Tòa án.

- Về phương thức tổ chức xét xử tại Tòa án (Điều 136): trực tiếp hoặc trực tuyến

- Về phòng xử án và phòng hòa giải, đối thoại (Điều 137, Điều 138)

10. Bảo vệ Tòa án (Điều 140)

Các đối tượng bảo vệ tại Tòa án gồm: Trụ sở Tòa án nhân dân được bố trí lực lượng bảo vệ, Nhà nước bảo đảm kinh phí và điều kiện hoạt động; các phiên tòa, phiên họp xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc; hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của vụ án, vụ việc; Hội đồng xét xử, Thẩm phán và người có chức danh tư pháp khác: Được bảo vệ trong quá trình xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc - Đây là điểm mới của Luật.

11. Tham dự và hoạt động thông tin tại phiên tòa, phiên họp (Điều 141)

Việc ghi âm lời nói được thực hiện trong thời gian diễn ra phiên tòa, phiên họp. Việc ghi hình ảnh tại phiên tòa, phiên họp chỉ được thực hiện trong thời gian khai mạc phiên tòa, phiên họp và tuyên án, công bố quyết định; ghi âm lời nói, ghi hình ảnh của Hội đồng xét xử, Thẩm phán phải được sự đồng ý của Thẩm phán chủ tọa. Ghi âm lời nói, ghi hình ảnh của người tiến hành tố tụng khác, người tham gia phiên tòa, phiên họp thì phải được sự đồng ý của họ và Thẩm phán chủ tọa.

Tòa án ghi âm lời nói, ghi hình ảnh diễn biến phiên tòa, phiên họp trong trường hợp cần thiết để phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

Người tham dự phiên tòa, phiên họp không được truyền phát trực tiếp, trực tuyến; thông tin sai sự thật; thông tin làm ảnh hưởng đến sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, vô tư, khách quan trong xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc; vi phạm quyền con người của bị cáo, bị hại, đương sự, người tham gia tố tụng khác trong vụ án, vụ việc; vi phạm quy định về giữ bí mật.

12. Bảo đảm hoạt động của Tòa án (Chương VIII)

12.1. Bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tòa án

Tòa án chịu sự giám sát của Nhân dân, Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hoạt động giám sát không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Tòa án, việc xét xử, giải quyết vụ án, vụ việc của Thẩm phán, Hội thẩm (khoản 2 Điều 21).

Nghiêm cấm mọi hành vi xúc phạm, xâm hại đến sự tôn nghiêm, uy tín của Tòa án; đe dọa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của Thẩm phán, Hội thẩm, người có chức danh tư pháp khác của Tòa án hoặc những người thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Tòa án; lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống Thẩm phán, Hội thẩm, người có chức danh tư pháp khác, công chức khác, viên chức và người lao động của Tòa án (khoản 3 Điều 18).

12.2. Chế độ tiền lương, phụ cấp (Điều 142)

Nhà nước có chính sách ưu tiên về tiền lương, phụ cấp đối với Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án.

12.3. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng (Điều 144)

Bổ sung quy định mới về chế độ đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức danh tư pháp, công chức khác, viên chức và người lao động của Tòa án.

12.4. Số lượng Thẩm phán, biên chế Tòa án (Điều 146)

Tổng biên chế của Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

12.5. Xây dựng Tòa án điện tử (Điều 148)

Quy định Tòa án có trách nhiệm xây dựng và triển khai Tòa án điện tử để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; tăng cường công khai, minh bạch hoạt động của Tòa án

12.6. Về khen thưởng, xử lý vi phạm (Điều 149)

Quy định về khen thưởng, xử lý vi phạm đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động Tòa án nhân dân.

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2024 sửa đổi đã khẳng định sự phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về cải cách tư pháp, thể chế hóa để đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án theo Chiến lược cải cách, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam./.